

Họ tên: _____

字母篇練習



1.聽音標填寫母音：

1 _____	2 _____	3 _____	4 _____	5 _____
6 _____	7 _____	8 _____	9 _____	10 _____

2.聽音標填寫子音、複合子音：

1 _____	2 _____	3 _____	4 _____	5 _____	6 _____
7 _____	8 _____	9 _____	10 _____	11 _____	12 _____

3.聽音標填寫雙母音：

1 _____	2 _____	3 _____	4 _____	5 _____
6 _____	7 _____	8 _____	9 _____	10 _____

Họ tên: _____

聽音擋之後圈出正確的子音或雙子音
Nghe và chọn từ thích hợp



b

ph



s

x



l

đ



k

kh



c

k



h

qu



ch

c



tr

ch



th

t



m

h

Họ tên: _____

雙母音發音練習

ai

ay

âu

ây

ao

au

eo

êu

ia

iu

oa

oe

oi

ôi

ơi

ua

uê

ui

uơ

uy

ưà

ưì

ưư

Họ tên: _____



短句說一說

Tập nói tiếng Việt



① Xin chào các bạn!
大家好！

② Đây là sách của tôi.
這是我的書。

③ Tôi xem ti vi.
我看電視。

④ Bạn tên là gì?
你的名字是什麼？

⑤ Chào chị.
姊姊您好。

⑥ Anh ấy uống nước mía.
他喝甘蔗汁。

⑦ Sư tử dữ lắm.
獅子很兇。

⑧ Hoa màu đỏ rất đẹp.
紅色花很漂亮。
